

Cách nhìn về biến động dân số, lao động GIỮA HAI KỲ TỔNG ĐIỀU TRA 1999 - 2009 Ở THÁI BÌNH

Nguyễn Xuân Tuấn *

I. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tác động đến dân số

Thái Bình là tỉnh đất không rộng (diện tích 1.542 km²) nhưng đông dân (gần 1800 nghìn người năm 2009), có ít đất nông nghiệp nhưng màu mỡ. Năm 2009, diện tích đất nông nghiệp và thủy sản bình quân hơn 600 m²/nhân khẩu nông nghiệp, năng suất lúa bình quân đã đạt trên 13 tấn/ha/năm. Sản xuất nông nghiệp đang chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế: khoảng 60% về lao động, 40% về giá trị tăng thêm.

Sản xuất công nghiệp có xuất phát điểm nhỏ bé, chưa có sự phát triển đột phá. Năm 1999, toàn tỉnh có 100 doanh nghiệp với giá trị sản xuất 400 tỉ đồng (Giá so sánh năm 1994), số cơ sở tập thể và cá thể có trên 50 nghìn cơ sở nhưng giá trị sản xuất cũng chỉ đạt xấp xỉ 850 tỉ đồng.

Các ngành dịch vụ chưa được phát triển so với nhiều vùng của nước ta.

Mức sống dân cư còn thấp: năm 2008 đạt 842 nghìn đồng/người/tháng, chỉ bằng 80% mức bình quân vùng Đồng bằng sông Hồng.

Một số đặc điểm khác nữa về tự nhiên, kinh tế, xã hội nói lên Thái Bình là tỉnh đông dân, sản xuất nông nghiệp có tỉ trọng lớn, sản xuất công nghiệp và dịch vụ tại chỗ chưa phát triển, thiếu việc làm, thu nhập của dân cư chưa cao, đời sống nhân dân, nhất là nông dân, còn nhiều khó khăn.

Người dân Thái Bình đã có nhiều biện pháp để bảo đảm và nâng cao đời sống, trong đó, di cư lao động ra ngoài tỉnh là một biện pháp hiệu quả và có xu hướng ngày càng tăng. Đây là hệ quả quan trọng khi phân tích, đánh giá tình hình biến động dân số của tỉnh Thái Bình cũng như của các huyện trong tỉnh.

II. Cách nhìn về biến động dân số giữa 2 kỳ Tổng điều tra ở Thái Bình

1. Một số khái niệm quan trọng được áp dụng trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009:

Có 2 khái niệm đáng quan tâm nhất trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, bởi vì nó là công cụ để quan sát, để định lượng tình hình

biến động và thực trạng dân số. Nắm vững các khái niệm này sẽ có cách nhìn đúng đắn về kết quả Tổng điều tra và sử dụng nó hiệu quả.

- Thực tế thường trú: Khái niệm này dùng để chỉ tính chất cư trú thường xuyên của một đơn vị hộ hoặc một nhân khẩu tại một thời điểm nhất định của một đơn vị hành chính nhất định, nhỏ nhất là cấp xã, bao gồm những hộ, nhân khẩu vẫn từ xưa sinh sống ở địa phương đó, hoặc mới sinh, mới chuyển đến trước thời điểm quan sát nhưng sẽ ở đó lâu dài, hoặc đã tạm trú ở đó 6 tháng trở lên. Ngoài ra còn quy ước thêm một số trường hợp đặc thù.

Dân số của mỗi địa phương tại thời điểm Tổng điều tra chính là số nhân khẩu thực tế thường trú tại địa phương đó. Khái niệm Thực tế thường trú như vậy được dùng làm chuẩn mực quyết định nội dung các khái niệm khác liên quan như: nhân khẩu, lao động của hộ chia theo độ tuổi, nam, nữ, trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp, lao động thất nghiệp, các trường hợp sinh, chết, nhập cư, xuất cư, tình trạng nhà ở, các đồ dùng tiện nghi khác của hộ...

- Thời điểm điều tra: là mốc thời gian (tháng, ngày, giờ) được ấn định thống nhất cả nước để áp dụng các khái niệm thống kê dân số và nhà ở trong tổng điều tra cũng như điều tra biến động dân số hàng năm.

Những người được coi là thực tế thường trú cùng với các thuộc tính, các quan hệ của họ như đã nêu ở trên đều phải căn cứ vào mốc thời điểm điều tra.

Vận dụng đúng đắn 2 khái niệm này, ngoài mục đích hạn chế tối đa lỗi trùng sót, thì điều không kém quan trọng là thấy rõ bản chất của số liệu dân số từng địa phương do Tổng điều tra xác định, để không nhầm tưởng với dân số của địa phương thường dùng là dân số trung bình. Dân số trung bình hàng năm được tính bằng bình quân số nhân khẩu thực tế thường trú 12 tháng, hoặc bình quân 4 quý trong năm. Tùy theo mức độ và thời gian xuất cư, nhập cư, tình trạng đi làm ở ngoài tỉnh của mỗi địa phương, dân số trung bình và dân số thời điểm tổng điều tra có thể xấp xỉ nhau hoặc rất khác nhau.

Đối với tỉnh Thái Bình, một địa phương có nhiều lao động di cư tạm thời, người địa phương này sang địa

* Cục Thống kê Thái Bình

phương khác làm việc, học tập... thường là không ổn định, do đó, dân số ở các thời điểm trong năm có biến động lớn, việc tính dân số trung bình của tỉnh và cấp huyện, cấp xã trở nên khó khăn hơn bởi vì không có số liệu cập nhật theo yêu cầu của công tác thống kê dân số.

2. Cách nhìn thực trạng biến động nhân khẩu, lao động giữa 2 kỳ Tổng điều tra:

Đã nhiều năm nay, thường xảy ra sự khác biệt về số liệu dân số ở mỗi địa phương giữa số liệu thống kê hàng năm và số liệu Tổng điều tra. Sau mỗi kỳ Tổng điều tra phải hiệu chỉnh quá nhiều đối với dự kiến năm Tổng điều tra và 9 năm trước, khiến cho người sử dụng số liệu dân số kém đi sự tin tưởng. Có cách nhìn đúng đắn về thực trạng này là cần thiết cho công tác thống kê dân số.

Số liệu dân số và các thông tin về biến động dân số phụ thuộc vào thước đo và chất lượng công tác thống kê dân số.

Sự khác biệt về số liệu dân số ở Thái Bình thường có lý do tất nhiên, song cũng có lý do không chính đáng:

- Nhằm phục vụ các mục đích sử dụng khác nhau mà dẫn đến khác nhau về khái niệm, về thời điểm tính, cuối cùng là khác nhau về Số liệu dân số. Đây là lý do tất nhiên.

* Số hộ, nhân khẩu do ngành Lao động, thương binh và xã hội sử dụng là số hộ địa phương quản lý, dùng trong việc xác định hộ chính sách, hộ nghèo,..., họ không sử dụng khái niệm nhân khẩu thực tế thường trú. Do đó, số hộ được xác định khi rà soát hộ nghèo tháng 8 năm 2009 là 551,3 nghìn hộ, cao hơn 1,2% so với Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ nhân khẩu được cấp thẻ BHYT... sẽ được tính trên số hộ, số nhân khẩu địa phương quản lý.

* Số nhân khẩu do ngành Y tế đang sử dụng là nhân khẩu địa phương quản lý dùng để đánh giá công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình. Vì mục đích đó, họ cũng không sử dụng khái niệm nhân khẩu thực tế thường trú. Tháng 6 năm 2009 ngành Y tế đã dự báo và sử dụng dân số Thái Bình là 1927 nghìn người, cao hơn 146 nghìn người, tức là nhiều hơn 8,2% so với Tổng điều tra dân số 01/4/2009. Số dân ngành Y tế dự kiến cho 6 tháng đầu năm 2010 là gần 1935 nghìn người.

- Số liệu dân số khác nhau do phương pháp tiếp cận, phương pháp xác định khác nhau. Đây là lý do không chính đáng.

Từ Tổng điều tra năm 1999 và điều tra biến động dân số hàng năm đã xác định dân số trung bình từ năm 2000 đến năm 2008 và dự kiến năm 2009. Theo đó, dân số Thái Bình tăng bình quân hàng năm là 5,5‰ (theo thông báo

của Tổng cục Thống kê), ước tính dân số trung bình năm 2009 khoảng 1889 nghìn người.

Sau Tổng điều tra 2009, số liệu được coi là chính xác nhất, thì tính lại dân số trung bình của Thái Bình năm 2009 là 1785 nghìn người, rất khác so với số liệu ước tính cho năm 2009 ở trên (thấp hơn 104 nghìn người).

Điều này cho thấy có vấn đề trong chất lượng số liệu thu thập từ các cuộc điều tra mẫu biến động dân số hàng năm.

- Nếu quan sát bằng công cụ khác sẽ có cách đánh giá tổng quát tình hình hiện tại về công tác dân số kế hoạch hoá gia đình của Thái Bình: tổng tỉ suất sinh quan sát được tại Tổng điều tra dân số và nhà ở lần này cho thấy mức độ sinh con của phụ nữ Thái Bình còn ở mức cao, 2,08 so với 2,11 của vùng đồng bằng Sông Hồng, 2,03 của cả nước, và cao hơn nhiều so với 1,69 của vùng Đông Nam Bộ và 1,84 của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong số 31 tỉnh phía Bắc thì 7 tỉnh có tổng tỉ suất sinh dưới 2 là: Bắc Kạn, Hoà Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương và Thanh Hoá. Trong số 32 tỉnh phía Nam thì 17 tỉnh có tổng tỉ suất sinh dưới 2, trong đó, thành phố Hồ Chí Minh đạt 1,45.

Nếu các số liệu trên là chính xác thì những phần đầu giảm sinh của Thái Bình trước đây chưa rõ và sẽ khó khăn hơn nhiều tỉnh để thực hiện mục tiêu giảm tỉ lệ sinh của tỉnh năm 2010 và những năm sau.

Nguồn gốc của sự khác biệt đó có thể khẳng định từ điều tra mẫu.

- Tỷ lệ nhập cư, tỷ lệ xuất cư được thu thập trên cỡ mẫu dù lớn tới 15% số hộ như năm 2009 cũng không thể đại diện cho một địa phương, bởi lẽ ý thức và cơ hội nhập cư, xuất cư không như nhau đối với tất cả mọi người dân, mọi vùng dân cư. Những người xuất cư tại Thái Bình nhất thiết không có ý thức và cơ hội giống nhau đến 62 tỉnh khác cũng như hàng nghìn địa bàn khác trong cả nước. Do vậy, dù chúng ta có tổ chức điều tra mẫu rất tốt cũng không thể mang lại số liệu phản ánh đúng thực tế. Nó đã góp phần làm sai lệch số liệu dân số trung bình của mỗi tỉnh, mỗi địa phương những năm trước đây và năm 2009.

Tóm lại, những trình bày ở trên cho thấy nếu được phân tích kỹ về tài liệu thống kê dân số chúng ta sẽ thu được nhiều lợi ích về phương pháp chế độ thống kê và phục vụ cho việc phân tích mối tương quan giữa dân số-lao động với sự phát triển kinh tế-xã hội của các cấp địa phương. Bài viết này mới chỉ là đặt vấn đề, mong được sự trao đổi của các quý vị quan tâm đến vấn đề này./.